
CỬA ĐỊA NGỤC

Quay lưng giữa bước đường về
Lắng nghe nhìn lại bên hè phố đêm,
Thành đô mờ mịt im lìm,
Ngủ say, và chẳng ai tìm dấu theo.

A. E. HOUSMAN *Cửa Địa Ngục*
(ĐAN-CHINH dịch)

Nguyên tác

*Midmost of the homeward track,
Once we listened and looked back,
But the city, dusk and mule,
Slept, and there was no pursuit*

Hell Gate

1

VÀ O cuối mùa đông năm em tôi qua đời, tôi trở về Hoa-thịnh-đốn lần đầu tiên sau nhiều năm xa cách. Tôi trở về vì em tôi đã điện thoại cho tôi hay thân phụ chúng tôi đau nặng và rất có thể ông bị bệnh ung thư. Từ Luân-đôn, tôi vội vàng bay về Phi Trường Quốc Tế Dulles bằng phi cơ phản lực, đón một chiếc tắc-xi phóng về Hoa-thịnh-đốn, và ghi tên tại Marlyn, một khách sạn nhỏ ở Đường N là nơi nhiều người thuộc Tòa Lãnh Sự Anh và Sở Ngoại Kiều vẫn thường trú ngụ vì tiền phòng không đắt và vì nó khiến cho họ liên tưởng đến những lữ quán xinh xắn bên nước Anh.

Tôi cao rêu một cách chớp nhoáng trước khi đi gặp em tôi tại Câu Lạc Bộ Báo Chí Quốc Gia để cùng uống một chén rượu và ăn một bữa cơm tối. Sau khi ăn uống xong, chúng tôi sẽ lái xe về Warrenton, ở quận Fauquier trong tiểu bang Virginia để thăm ba tôi và người em gái của tôi vừa từ Cựu Kim Sơn bay sang đây.

Đây là một chuyện trọng đại không thể nào tránh khỏi. Từ đó là một cơn ác mộng sáng lòa với đồng bunn như kết hợp bởi phản trắc, ngoan cố và ngu si. Tôi nói như thế mặc dầu tôi biết rõ trong đồng bunn này còn có hai điều tốt đẹp và cả hai đều không phải là việc do tôi làm.

Stuart Dunbar thông tin viên đang xuống giá hiện

giúp việc cho United Publications và vẫn thường sống trong căn nhà của tôi ở Luân-đôn tại Đường Stratton mỗi khi không đi gây rối ở những nơi nào khác trên thế giới, là một người mà bất cứ ai từng có chút liên hệ cũng phải nhìn nhận vô cùng hung bạo. Người thuộc dòng họ Dunbar, như bao nhiêu vị về các đời trước, là một con người lẳng mạn, luôn luôn sẵn sàng xem việc làm tan nát cõi lòng như một cuộc trao đổi cảm giác, kiêu hãnh với chiếc lông trắng phất phơ trên cái đầu lấm máu, gần như chỉ có thể học hỏi bằng chính kinh nghiệm của mình, rất ít khi có thể hiểu được những người khác làm sao đến nỗi cơ thể không còn vẹn toàn chỉ vì kém thông minh.

Chắc quý bạn nghĩ rằng có lẽ tôi đã chớp được một chút lương tri ấu trĩ không giống như khi tôi đoạt Hải Quân Bội Tinh hồi tôi còn là một trung úy trẻ tuổi trong Binh Chung Hải Quân. Thật ra đó chỉ là sự việc gần như may mắn bất ngờ. Tôi đã có một hành động tuyệt vọng nhưng khàn thiết để đưa đơn vị của tôi thoát khỏi một tình trạng bế tắc mà chính tôi đã dẫn họ vào đó vì thiếu khả năng quan sát trước rồi mới thay đổi chiến thuật. Quý bạn nên hiểu rằng tôi không được khiêm nhượng về vụ này. Tôi thường thức giấc giữa đêm tối, hồi tưởng chuyện xưa và toát mồ hôi đầy mình, nhớ lại những tên địch núp bắn trên ngọn cây, những viên đạn trọng pháo tua tủa rơi xuống như mưa, khẩu súng máy nhả đạn rào rào trong đám lá mã đề (1) chỉ cách đầu mấy phân cần phải bị tiêu diệt thì mọi người mới có thể di động. Tôi thao thức, toát mồ hôi khi hồi tưởng những cảnh này

(1) Plantain: một thứ cây vùng nhiệt đới, có lá giống như lá chuối (chủ thích của địch giả)

không phải vì sợ hãi mà vì một nỗi khó chịu hết sức mơ hồ. Tôi không nhiều tưởng tượng đến nỗi phải sợ hãi, nhưng tôi có đầy đủ lý do để khó chịu.

Lúc năm giờ chiều, khi tôi bước vào quầy rượu dành riêng cho hội viên ở Câu Lạc Bộ Báo Chí Quốc Gia, tôi có cảm tưởng mình mới cách biệt chừng một tuần lễ. Richard đang thi hành phận sự phía sau quầy, làm công việc thường lệ cho những người thường lệ. Căn phòng ăn dài ở phía cuối quầy rượu náo động với những tiếng chuyện trò. Tôi có thể trông thấy Metcalf, viên đại úy cao lớn, có thói quen ăn cơm chiều rất sớm đang ngốn ngấu một trong những đĩa xà-lách đặc biệt của ông ta ở tận mút phòng, một người mà tôi đã từng quen biết vào một buổi tối ở Cựu-Kim-Sơn lúc ông ta đang lo lắng vì một thứ giấy tờ hết hạn.

Richard lên tiếng khi tôi vừa gác chân trên cây sắt dưới quầy và đặt khuỷu tay vào một vũng bìa chưa kịp lau trên mặt quầy :

— Chào ông Dunbar. Vui mừng được gặp lại ông. Ông dùng một ly Gentleman pha đá nhé ?

— Chào anh Richard. Tôi cũng rất vui vì gặp anh. Không, hãy cho tôi một ly Martini, không pha gì hết. Đừng bỏ ô-liu. Chỉ vắt chanh.

Anh ta nhếch cặp lông mày rậm lên với tôi trong lúc khởi sự rót Martini. Anh ta vẫn còn nhớ tới sở thích ngày nào của tôi hồi tôi sống ở Hoa-thịnh-đốn. Thứ whisky đặc biệt ở Câu Lạc Bộ Báo Chí vốn nổi tiếng tuyệt ngon nhưng cũng rất đắt, được mệnh danh là 'Virginia Gentleman' vì được chế tạo bởi một nhà quý tộc ở Virginia trong quận Fairfax là một vùng có nhiều ngọn đồi kế tiếp nhau. Richard

thề rằng anh ta hãy còn nhớ ngày Câu Lạc Bộ bán ra thứ rượu này lần đầu tiên với giá mười lăm xu một ly và các hội viên đều thích uống nóng. Tôi thấy khó tin được rằng sở thích của con người đã đổi thay quá nhiều như thế, kể từ cuối thời kỳ cấm rượu. Nhưng, như tôi nói, tôi là một kẻ dễ tin và tôi vẫn thường đánh giá quá cao những sở thích và trí thông minh của mọi người. Đó không phải là một sự việc khó làm.

Tôi đứng ở quầy gần nửa tiếng đồng hồ, uống cạn ly Martini đầu tiên một cách từ từ trong lúc chờ đợi Ted và nhìn những người quen cũ ra vào. Phần đông đều chuyển trò với tôi tựa hồ họ mới gặp tôi ngày hôm qua, mặc dầu chỉ có một người thật sự như thế. Tiếng ồn ào ở quầy rượu và trong phòng ăn giảm dần trong lúc các hội viên lần lượt đi ra, một số người về thẳng nhà, một số người khác trở xuống các văn phòng của họ ở phía dưới tầng thứ mười ba là tầng lầu được Câu Lạc Bộ sử dụng. Đây là một trong rất nhiều điều khác lạ của Hoa-thịnh-đốn : không một tòa nhà nào có thể cao hơn vòm Điện Capitol (1). Tòa nhà này đặt ra một giới hạn mười ba tầng cho mọi cao ốc và mọi tính toán của các kiến trúc sư cùng các nhà thầu khoán xây cất đều lấy đó làm chuẩn. Câu Lạc Bộ không tin dị đoan, nên vẫn gọi tầng thứ mười ba là tầng thứ mười ba.

Tôi không lấy làm ngạc nhiên nhiều vì Ted trễ hẹn. Ted là một trong những nhân vật tuổi trẻ tài cao tại RIEC—Radio Instrumentation and Electronics Corporation—một

(1) Capitol : tòa nhà ở Hoa-thịnh-đốn, nơi Quốc Hội Hoa Kỳ dùng để nhóm họp (c.t.c.d.g.)

công ty lừng danh và lớn nhất ở Hoa-thịnh-đốn trong lãnh vực nghiên cứu và phát triển kỹ nghệ các vùng ngoại ô. Mới ba mươi sáu tuổi, Ted đã lên phó chủ tịch công ty RIEC, đặc trách các công tác kỹ thuật, và tôi hết sức hãnh diện có một người em trai xuất sắc như thế. Dù phải ở trong ngành Hải Quân ba năm tại Triều-tiên, tương lai của Ted vẫn không bị ảnh hưởng. Tôi biết Ted vẫn thường làm việc thêm ngoài giờ nên không thấy lo ngại.

Tôi vừa gọi thêm một ly Martini nữa thì ống loa giọng trầm đặt trên trần vang lên tiếng gọi tên tôi. Đó là giọng của người nữ điện thoại viên đang muốn tìm tôi. Tôi liền cầm ly đi tới máy điện thoại gắn trên tường ngay bên ngoài cửa ra vào quầy rượu và đỡ máy lên. Tiếng cô gái trả lời ngay :

— Thưa ông Dunbar, có người muốn nói chuyện với ông. Ông vui lòng chờ một chút xíu.

Tôi nghe một tiếng cách nhỏ, rồi cô gái nói tiếp với người kia :

— Thưa ông, có ông Dunbar đây.

Sau đó là giọng của một người hoàn toàn xa lạ với tôi :

— Ông Dunbar ? Tôi là Trung-Úy Dennison, thuộc ban điều tra của Sở Cảnh Sát Đô Thị Hoa-thịnh-đốn. Tôi gọi ông từ nhà người em trai của ông. Tôi đã tìm thấy một ghi chú trên cuốn sổ tay của ông ấy và được biết ông ấy có hẹn gặp ông vào lúc năm giờ.

Tôi cảm thấy như có một lưỡi dao xoi vào bụng.

— Em tôi hiện không có mặt ở đây. Trung-úy có thể cho tôi biết có chuyện gì vậy ?

— Một tai nạn nhỏ. Ông vui lòng ghé qua nhà em ông ngay bây giờ ? Chắc ông biết chỗ ?

— Vâng, tôi biết. Tôi sẽ đến đó trong vòng mười lăm phút là tối đa.

Tôi đã từng chạm trán nhiều lần với những viên thám tử cảnh sát trong hầu hết mọi quốc gia mà quý bạn có thể gọi tên ra, và tôi đã học được một điều : hỏi họ trong điện thoại là một việc vô ích và càng hỏi họ nhiều câu chùng nào thì lại càng vô ích hơn chùng đó. Nhưng tôi phải giữ gìn lời nói. Tôi cũng được biết rằng các viên trung úy thám tử cảnh sát rất ít khi điều tra những tai nạn nhỏ. Thật đáng ngại vì Ted không đích thân nói chuyện với tôi. Tôi cố nhớ lại trong cuộc điện đàm ngắn ngủi, viên trung úy có nhắc đến hai chữ án mạng hay không. Chắc chắn ông ta không nói. Nhưng tôi vẫn bước nhanh gần như chạy ra hành lang tới thang máy trong một nỗi lo lắng bồn khoăn cực độ. Mãi khi vào trong thang máy rồi, tôi mới nhận thấy mình đang cầm ly Martini theo trên tay. Tôi đặt cái ly ngay trên sàn và nhìn rượu trong ly rung nhẹ theo chuyển động của thang máy.

Nhà của Ted nằm trong một cao ốc tương đối mới ở Đại-Lộ Massachusetts ngay lối ra Công Trường Scott. Tôi đón một chiếc tắc-xi ở Đường Mười Bốn bên cạnh Press Building và tới nơi năm phút sau đó. Xe phải chạy vòng quanh Hội Tiến Bộ Khoa Học Hoa Kỳ có lối kiến trúc khá lạ lùng, rồi qua một khối hoàn môn của Công Trường, và cuối cùng vào một đoạn đường cong. Tôi cố không suy nghĩ.

Tôi đã ngửi thấy hai mùi nồng nặc trong lúc bước vào căn nhà ở tầng lầu trên cùng, đi qua trước mặt người đàn ông vận thường phục vừa mở cửa cho tôi. Trước hết là mùi cháy, phảng phất khắp nơi với một mùi nặng hơn,

ngủi muốn nôn. Tôi biết ngay đó là mùi gì. Tôi còn nhớ rõ mùi này từ Tarawa, một đảo san hô nhỏ trong Quần đảo Gilbert, nơi chúng tôi đã dùng súng phun lửa lần đầu tiên để quét sạch những công sự phòng thủ mà các kỹ sư đại tài Nhật-bản đã xây cất để cho Hải Quân Hoàng Gia đồn trú. Đó là mùi thịt người cháy.

Người đàn ông đã mở cửa cho tôi đi theo tôi vào tận trong phòng khách, và bảo :

— Tôi là Mike Dennison. Ban nãy chính tôi đã nói điện thoại với ông.

Tôi chăm chú nhìn ông ta với vẻ nóng nảy :

— Em tôi đâu ?

— Ông ấy hiện không còn ở đây. Ông Dunbar, ông nên ngồi xuống đây và uống với tôi một ly trong lúc tôi kể lại hết câu chuyện cho ông nghe.

— Tôi vẫn bình thường mà. Tôi không muốn uống. Có chuyện gì vậy ? Lửa cháy ?

— Vâng. Dường như người em của ông đã đi ngủ hơi muộn và còn muốn hút một điếu thuốc lá cuối cùng. Cả chiếc giường cháy tiêu gần hết.

Tôi đứng sững nhìn ông ta một hồi lâu, mà sự thật không trông thấy ông ta. Tôi có cảm giác tựa hồ ai vừa trùm kín đầu tôi bằng một cái bao bố khiến tôi không còn trông thấy ánh sáng và trở nên khó thở. Trong bóng tối lơ mơ tâm trí tôi cố lục soát lại hàng trăm mớ ký ức. Ted khóc nức nở hôm bị té khỏi cột buồm rơi xuống một đồng sắt vụn ở boong trước, Ted đấu cờn cầu năm cuối cùng ở Đại-học đường Virginia, Ted với chiếc vĩ cầm và ngón đàn tuyệt diệu trong một ban nhạc tài tử ở Luân-đôn, con người tài hoa, linh hoạt cùng với vợ là Amanda và hai đứa con trong

cảnh gia đình đầm ấm.

Một lúc sau tôi mới biết mình đang ngồi xuống, với đôi mắt nhắm nghiền. Tôi biết nước mắt chảy đầm đìa trên mắt tôi khi tôi mở mắt ra và nhìn Dennison lại.

Ông ta liền bảo :

— Ông Dunbar, tôi rất lấy làm buồn tiếc. Nhưng tôi không tìm được cách nào khác để tỏ thật với ông.

Tôi đáp :

— Không đâu. Tôi đã nghĩ thấy mùi và đoán biết được. Bây giờ tôi nghĩ tôi có thể xin ông ly rượu ông vừa nói ban nãy.

Ông ta đi tới tủ rượu ở cuối phòng khách và mang trở lại cho tôi một ly whisky đậm đặc, một loại rượu đặc biệt sản xuất ở Tô-cách-lan. Tôi đang uống thì hai người từ trong phòng ngủ đi ra phòng khách. Một người là một viên đại úy Sở Cứu Hỏa. Người kia có thân hình gầy cao, mái tóc hoa râm trông chừng năm mươi tuổi. Ông ta là một con người hoàn toàn xám : tóc xám, mắt xám, áo quần xám. Ông ta đội một cái mũ cũng màu xám. Dennison giới thiệu ông ta trước :

— Ông Dunbar, đây là ông Dillingham— John Dillingham. Và đây là Đại Úy Hobbes chuyên viên thuộc Sở Cứu Hỏa.

Mặc dầu đang thẳng thốt, tôi vẫn đề ý ông ta không chịu giới thiệu rõ Dillingham. Dennison nhìn tôi chăm chú hơn và nói tiếp :

— Tôi cần hỏi ông một vài câu, nếu ông cảm thấy khoẻ.

Tôi bảo :

— Bây giờ tôi đã như thường.

Dillingham lấy cái ly khỏi tay tôi và đi rót thêm whisky. Ông ta vẫn chưa nói một tiếng nào. Khi ông ta đem ly rượu trở lại, tôi đứng dậy và bước tới khung cửa sổ lớn ở bức tường phía bắc. Tôi có thể trông thấy tháp Gloria in Excelsis của giáo đường vươn lên khỏi các ngọn cây, và đỉnh nhọn của ngôi nhà thờ Hồi giáo như gần hơn. Tôi nhìn quanh phòng trong lúc tôi quay người lại đề đối diện với họ. Căn phòng trông tựa hồ Ted đã tiếp khách trong đêm vừa qua. Trên chiếc bàn thấp, ba cái ly còn một chút rượu dưới đáy. Dennison trông thấy tôi đang nhìn mấy chiếc ly và lên tiếng trước :

— Em của ông đã tiếp khách trong đêm qua. Căn cứ theo đó thì có cả thầy hai người, một đàn ông và một đàn bà. Lúc đó đêm đã khuya lắm. Vào khoảng hai giờ sáng nay, một người láng giềng ngủ thấy mùi khói và gọi Sở Cứu Hỏa. Họ đã kéo tới đây với đầy đủ người và dụng cụ— họ luôn luôn như thế đối với các cao ốc lớn dùng làm nhà ở. Nhưng đám cháy chỉ là một vụ hoả hoạn nhỏ. Chỉ nội trong phòng ngủ.

Hobbes góp lời :

— Nếu nhân viên cứu hỏa không đến kịp thì nhất định lửa đã lan qua các phòng khác.

Dennison gạt đầu :

— Đúng thế. Lửa đã bắt cháy từ chiếc giường. Xác chết đã teo lại, e không thể nào nhận diện nổi.

Chắc hẳn mặt tôi lúc bấy giờ trắng ra như tờ giấy, khi tôi hỏi lại :

— Có cần phải nhận diện hay không ?

— Chúng tôi còn chưa biết được. Sáng ngày mai người ta mới nghiệm thi. Trong lúc chờ đợi, chúng tôi đã tìm

thấy vật này.

Ông ta xòe bàn tay ra cho tôi xem. Chiếc nhẫn lớn và đắt tiền của Ted nằm giữa lòng bàn tay ông ta. Tôi không dám sờ vào đó. Nó đã hóa thành màu đen và chảy mất một nửa nhưng tôi vẫn nhận ra.

Tôi bảo :

— Cái đó của Ted.

Dennison đặt chiếc nhẫn lên mặt bàn.

— Ông Dunbar, tôi cần phải hỏi ông một vài câu.

Tôi trả lời :

— Xin ông cứ hỏi.

Cả hai chúng tôi lại ngồi trở xuống.

Dennison nhìn tôi một cách nghiêm trang và bắt đầu chất vấn :

— Em ông đã có vợ phải không ?

— Ted đã ly dị, cách đây ba năm. Bà vợ cũ hiện giờ sống tại Seattle.

— Máy người con ?

— Hai. Bọn chúng đều ở với bà mẹ.

— Em ông có nghĩ đến việc tục huyền ?

— Điều này tôi không được rõ. Trong thư, Ted không hề nói gì với tôi về chuyện đó.

— Còn bạn gái ?

— Tôi cũng không biết vì Ted không bao giờ nhắc tới.

— Quan điểm chính trị của ông ấy như thế nào ?

— Tôi không tin Ted thích chuyện chính trị. Em tôi đã sống ở Quận Columbia.

— Tôi biết. Điều tôi muốn nói là... có khi nào ông biết em ông đặc biệt lưu ý đến chuyện chính trị ngoài lề.

Dillingham lên tiếng lần đầu tiên :

— Ông Dunbar, điều Trung úy Dennison muốn nói, mặc dầu ông ấy không biết hỏi sao cho thật tế nhị, là ông có bao giờ nghĩ rằng em ông có chân trong một tổ chức nào bị Biện lý Cuộc xếp vào loại phá hoại quốc gia ?

Tôi gay gắt hỏi :

— Ông Dillingham, có phải ông muốn tìm một chiếc giày trong ống quần hay không ?

Ông ta đáp :

— Tôi chỉ hỏi chứ không trả lời.

— Thế thì ông là một người khờ dại quá sức.

Trước lời sỉ mắng của tôi, ông ta vẫn thản nhiên :

— Có lẽ đúng thế. Nhưng câu hỏi đó nhằm một mục đích đứng đắn. Ông có vui lòng trả lời? Hay là mình tiếp tục qua vấn đề khác?

Tôi đành phải dẫu dụi :

— Tôi xin lỗi vì đã mất bình tĩnh. Không, tôi không hay biết gì về hệ hê theo kiểu đó. Nhưng nhất định các ông có nhiều phương tiện để tìm hiểu một cách chính xác hơn tôi. Chẳng lẽ ông không xem được hồ sơ cá nhân của các vị phó chủ tịch và các cấp chỉ huy trong những công ty nghiên cứu và phát triển kỹ thuật phòng ngự? Tôi tin chắc trong đó có đầy đủ mọi chi tiết.

Dillingham nhìn nhận :

— Chuyện đó đâu có trái phép. Tôi đã xem được tất cả.

— Và ông nghĩ sao về vụ này?

— Sau này mình sẽ bàn lại kỹ hơn. Mike, anh cứ tiếp tục đi.

Dennison liền khởi sự hỏi :

— Ông gặp em ông lần cuối cùng vào lúc nào?

Tôi đáp :

— Cách đây độ một năm. Ở Luân-đôn, nơi tôi hiện làm việc.

Dillingham tại chen lời :

— Ông Dunbar, ông hiện làm gì ?

— Ông là Trưởng Chi Nhánh tại Âu Châu của hãng United Publications.

Ông ta quay sang nhìn Dennison và gật đầu. Dennison lại tiếp tục chất vấn :

— Có phải em ông đang đi nghỉ phép ? Ông ấy còn đi đâu khác nữa ?

— Tôi không chắc mình còn nhớ rõ. Hình như là Đan-mạch, Áo, Pháp. Và một nơi nào đó ở Thụy-Sĩ, có lẽ Bernese Oberland. Ted rất thích trượt tuyết.

— Không có một nước nào ở bên kia bức màn sắt ?

Tôi kềm chế cơn nóng giận của mình một cách khó khăn, cố nghĩ rằng ông ta không có chủ tâm nhục mạ.

— Theo tôi biết thì không có. Nhưng tôi không làm sao biết hết mọi chuyện.

Dennison liếc nhanh Dillingham. Tôi không đề ý kỹ nhưng tôi có cảm tưởng Dillingham vừa ra dấu cho ông ta. Dennison gấp cuốn sổ tay lại.

— Ông Dunbar, ông có định ở lâu tại Hoa-thịnh-đốn ?

— Tôi chưa biết. Tôi sẽ phải đi xuống Warrenton rồi trở về đây thu xếp về việc mai táng.

Cồ hống tôi nghẹn lại trong lúc tôi nói mấy lời này và tôi lo sợ sắp sửa khóc nữa. Nhưng tôi trấn tĩnh được :

Dillingham bảo :

— Chắc phải mất một thời gian. Trước hết, ngày mai người ta mới khám tử thi. Và chúng tôi chưa muốn câu

chuyện lên mặt báo.

Tôi nhìn sững Dillingham. Chắc hẳn vẻ ngạc nhiên của tôi hiện rõ trên mặt, nên ông ta nói tiếp :

— Có nhiều điều chúng tôi cần phải xem xét thật kỹ trước đã. Không có gì nghiêm trọng lắm. Chắc Mike sẽ có thể kể hết đầu đuôi cho ông nghe sau bốn mươi tám giờ. Trong lúc chờ đợi, ông có thể dành cho tôi một chút thời giờ vào sáng ngày mai ?

— Để làm gì ?

— Tôi có một vài điều muốn hỏi ông. Mong ông vui lòng ?

Tôi không dẫn được nóng nẩy :

— Tôi hết hiểu rồi ! Chuyện gì mà kỳ lạ thế này ? Đây chỉ là một tai nạn. hay là ông ... ông không *tin* rằng đây là một tai nạn ?

Nhưng ông ta vẫn bảo :

— Ông Dunbar, ông vui lòng đợi tới ngày mai.

— Vâng. Mấy giờ ?

— Chiều chiều một chút, chắc thuận tiện cho ông ? Ông hãy ghé văn phòng tôi, nếu ông muốn, rồi sau đó tôi sẽ mời ông uống một ly rượu.

Ông ta đưa cho tôi một tấm danh thiếp lấy từ trong cuốn sổ tay, trên đó ghi :

John Dillingham

Phòng 30, 2091 Đường R

Tây Bắc Hoa-thịnh-đốn

Tôi nói với ông ta :

— Tôi đoán chừng sẽ từ Warrenton trở về lúc năm giờ chiều.

— Tốt lắm. Tôi sẽ chờ ông.

Ông ta gật đầu với Dennison và Hobbes rồi đi ra. Ông

ta khép cửa lại một cách êm nhẹ.

Dennison quay sang tôi :

— Ông Dunbar, thế là xong. Tôi sẽ khóa cửa lại sau khi mình đi.

— Thế là xong, một cách êm ru như thế này à ? Trung úy có nghĩ rằng tôi cũng đang muốn hỏi một vài câu ?

— Nếu ông hỏi, tôi sẽ không thể trả lời được. Tôi thành thật xin lỗi trước. Ngày mai chúng tôi sẽ biết thêm nhiều điều và có lẽ chính ông Dillingham sẽ kể lại với ông. Ông sẵn sàng ra về chứ ?

Tôi sẵn sàng đề ra về. Dennison dùng xe cảnh sát đưa tôi về tới khách sạn Marlyn và tôi gọi Laura ở Warrenton đề cho hay tôi sẽ xuống đó sáng ngày mai, còn Ted thì vừa được đề cử đi công tác ở xa.

2

ĐÊM hôm ấy tôi ngủ rất ít. Tôi đã bị dẫn vật không phải vì những cơn ác mộng bắt thần trong những quãng thời gian ngắn mà vì những lúc phải thao thức. Tôi đã bị ám ảnh bởi Ted suốt đêm. Tư tưởng thao thức về Ted còn tàn tệ hơn những cơn ác mộng. Tôi biết các giấc mơ đều không thật dù nó có cõ lên vai tôi, Nhưng tư tưởng thao thức thì nhất định là thật.

Ted là một con người phi thường ngay từ hồi còn nhỏ. Mới lên ba tuổi, Ted đã tập đọc, nhờ má chúng tôi chỉ dạy với những đầu đề lớn trên trang nhất của nhật báo phát hành sáng. Những đầu đề vào thời đó là những bài nói về cuộc chiến tranh ở Tây-ban-nha, về Guernica và Guadalajara (1), về sự trung lập ở Địa-trung-hải. Ted là cả một hỗn hợp kỳ lạ : vừa mạnh mẽ và can đảm trong những khi hành động, vừa êm dịu trong những khi cần phải chịu đựng. Trong một lúc thao thức, tôi nhớ lại một hôm Ted đã bắt gặp hai đứa bạn, tất cả mới lên sáu đang lấy đuôi mấy con mèo con quần quanh cổ chúng cho tới khi chúng chết ngạt. Ted nổi giận như điên cuồng nhất định đánh hai đứa bạn cho chết luôn. Tôi liền kéo Ted ra và cố gắng giải

(1) Guernica và Guadalajara : hai thành phố của nước Tây-ban-nha nơi xảy ra những trận đánh ác liệt trong cuộc nội chiến của nước này hồi 1937 (c.t.c.d.g)

thích với Ted rằng như thế là dùng bạo lực để chống bạo lực. Tôi lớn hơn Ted mười tuổi và tự cho mình vô cùng khôn ngoan. Mãi mấy năm sau tôi mới nhận thấy Ted có lý và chỉ có bạo lực mới chiến thắng được bạo lực. Khi cần lưu ý tới những giáo điều đạo Gia Tô làm gì.

Đêm hôm đó thật dài, gặp đôi bình thường vì những cơn ác mộng chập chờn và những tư tưởng thao thức. Những tư tưởng thao thức dẫn dắt tôi nhiều nhất khi tôi nghĩ đến ba tôi và Laura ở Warren-ton. Tôi phải gặp họ vào sáng ngày mai. Nhưag trước khi đi tôi phải thu xếp một vài công chuyện. Tôi bước xuống giường lúc bảy giờ sáng, cạo râu và thay quần áo rồi bắt đầu đi lo mọi việc. Quyết định cuối cùng của tôi buổi sáng hôm ấy, trong lúc liếc nhìn đôi mắt có quầng thâm của tôi trong tấm kiếng dùng để cạo râu, là tôi chưa thể kể cho ba tôi và Laura nghe chuyện về Ted. Trong đầu óc tôi lúc này đang có quá nhiều điều nghi ngờ.

Từ Warren-ton tôi lái xe trở về Hoa-thịnh-đốn vào lúc gần năm giờ chiều, vừa kịp thì giờ đến thẳng nhà Dillingham. Tôi may mắn tìm được một chỗ đậu xe thuộc khu nhà ở Đường R, ngay lối ra Đại Lộ Connecticut, một vùng ngoại ô nửa quê nửa tỉnh đầy những căn phố xưa cũ như bao khu ngoại ô khác của Hoa-thịnh-đốn, nơi tôi đã chào đời bốn mươi lăm năm về trước. Ngôi nhà mang số 2091 là một trong những căn phố này, một căn nhà hẹp, cao ba tầng và khá sang trọng, với mấy khung cửa sổ trên mái nhà ghi lại dấu vết của thời vàng son lúc gia đình nào cũng có thể mượn được người giúp việc nhà và cho người làm ở trên rầm thượng tự một tầng lầu thứ tư. Đó là một

ngôi nhà xinh xắn, đã được xây cất trong khoảng từ năm 1900 trở về sau, với một khung hình bán nguyệt phía trên cửa trước. Hiện giờ cửa được sơn màu đỏ tươi.

Ngôi nhà đúng theo tấm danh thiếp của Dillingham khiến cho tôi hết sức kinh ngạc. Trên mặt cửa là một dấu hiệu kỳ lạ và một cái tên :

The Hermes Corp.

Xuất Nhập Cảng

Không có ai trả lời tiếng gõ cửa của tôi. Tôi xoay thử quả nắm và nhận thấy cửa không có khóa. Khi tôi bước vào bên trong, một người đàn bà trẻ tuổi từ một khung cửa khác bên phải cũng vừa bước ra.

Tôi liền bảo :

— Tôi có hẹn với ông Dillingham.

— Chắc ông là ông Dunbar. Ông đợi một chút.

Nói đoạn nàng nhắc điện thoại lên và bấm một cái nút,

— Thưa ông Dillingham, ông Dunbar vừa đến.

Nàng mỉm cười với tôi và dẫn tôi đi trở qua khung cửa bên phải. Dillingham đứng dậy và bước ra khỏi phía sau bàn giấy, đưa bàn tay cho tôi bắt. Căn phòng trang hoàng theo lối Đan-mạch thật sang trọng và tối tân. Bàn viết bằng gỗ hồ đào, mấy chiếc ghế bành thấp bọc vải đỏ, cái bàn nước dài bằng cẩm thạch, và chiếc trường kỷ đều hòa hợp với nhau. Treo trên hạ mặt tường là mấy bức tranh vẽ lại bức ‘Sao chiều’ (Star in the Rays of the Descending Sun) của Joan Miro, một bức họa ảnh chân trời của Bernard Buffet, và bức ‘Nằm Xuống’ (Lying Down) của Paul Klee. Mặt tường thứ tư được che kín bằng một tấm vải màn tựa hồ phía sau là một khung cửa sổ rộng, mà tôi biết chắc không có. Đó là bức tường chung

với nhà bên cạnh.

Dillingham mở lời :

— Cám ơn ông đã đến. Dunbar, ông hãy ngồi xuống đây.

Tôi nhận thấy ông ta dùng lối gọi quen thuộc của người Anh, bằng chữ tên cuối.

Chúng tôi cùng ngồi xuống hai bên cái bàn nước. Có gái ở phòng ngoài trở vào với hai cái tách màu xanh xinh xắn và một bình trà bọc trong một cái giỏ ú. Dillingham nhếch đôi mày xám với tôi và tôi gật đầu. Ông ta rót trà cho cả hai chúng tôi và chúng tôi uống từng hớp trong im lặng một lúc.

Rồi tôi bảo :

— Đây là loại trà Earl Grey ?

Ông ta đáp :

— Vâng, tôi đã nhiễm thói quen uống trà trong thời gian ở Cambridge.

Ông ta lại uống trà nóng một cách thận trọng rồi đặt tách xuống và nói tiếp :

— Dunbar, tôi chắc chắn ông đang thắc mắc đây là chuyện gì. Tôi có thể phác họa sơ lược cho ông nghe để tránh nhiều câu hỏi phiền phức ?

— Xin ông cứ trình bày.

— Trước hết, tôi xin hỏi ông một câu. Ông vẫn còn giữ giấy tờ bảo đảm an ninh chứ ?

— Hình như ông biết mọi chuyện về tôi, tại sao về điểm này ông lại không rõ ?

— Ông đã xuất ngoại quá nhiều.

— Vâng, tất cả vẫn còn đầy đủ. Tôi đã xin được từ năm 1948, lúc tôi đi tham dự một cuộc họp háo về những

cuộc thí nghiệm nguyên tử ngoài khơi Thái-bình-dương. Tôi đã cất giữ cẩn thận. Hàng năm tôi vẫn đi công tác tại SHAPE (1). Tại sao ông hỏi tôi về chuyện này?

— Bởi vì những điều mà tôi sắp sửa kể cho ông nghe được xếp vào loại trọng yếu.

— Tôi đoán ông sắp cho tôi biết ông là CIA?

— Ông đoán không đúng, bởi vì tôi không phải. Đầu tiên, tôi muốn nói Hermes quả thật là một công ty thực hiện cái nghiệp vụ xuất nhập cảng. Các tầng lầu khác của cao ốc này đều đầy đủ hồ sơ của công ty. Nhưng đó cũng là cái bề ngoài. Chắc ông sẽ tin tôi hơn nếu tôi nói rằng bất cứ một điểm khả nghi nào về cái bề ngoài này sẽ gây tai hại trầm trọng cho nền an ninh của quốc gia — ít nhất là trong giai đoạn hiện tại.

— Ông Dilligham, ông khởi cần phải nói vòng quanh. Tôi chỉ tin ông nếu ông có thể cho tôi xem một chứng minh thư hợp lệ.

— Đúng. Tôi biết trước sau gì ông cũng sẽ nói câu đó. Như thế này hợp lệ chứ?

Ông ta lấy một tấm bìa học nhựa từ túi trong của áo vét và đặt nhẹ lên mặt bàn. Tôi nhìn qua và biết ngay đó là một loại thẻ của Bộ Quốc Phòng, với khuôn dấu nổi màu vàng thật lớn.

— Vâng, tôi đã trông thấy loại giấy này. Nhất định không phải CIA. Nhưng thế thì ông thuộc cơ quan nào?

— Tôi không muốn kể lễ dông dài khiến cho ông

(1) SHAPE (*Headquarters of Allied Powers in Europe*) : Tổng hành dinh tại Âu Châu của các lực lượng đồng minh trong minh ước Đại-lây-dương (c. l. c. d. g.)

phải mất thời giờ vô ích. Nói một cách tóm tắt, có một số người không bằng lòng để cho CIA bao thầu mọi việc— lẽ dĩ nhiên họ không đủ sức làm nổi và họ cũng không có ý định như thế. CIA là một tổ chức thu lượm tin tức theo đúng điều lệ của nó.

Tôi xen lời :

— Khi nào họ không hoạt động ra ngoài điều lệ của họ.

Đôi mắt dưới hàng lông mày xám tro của ông ta chăm chú nhìn tôi nhưng hình như ông ta không nghe câu nói móc của tôi.

— Tổ chức của chúng tôi thì lại khác. Nó được lập ra để giải quyết các vấn đề bảo toàn tin tức— tức là giữ gìn tin tức. Nó không phải là tình báo, cũng không phải là gián điệp, mặc dầu một đôi khi chúng tôi buộc lòng phải bước vào trong cả hai lãnh vực này vì lý do tự vệ thật sự. Chẳng hạn, giả sử một khoa học gia nào đó ở Hợp Chúng Quốc đang thực hiện một công trình mà kẻ thù cũng như bằng hữu của mình đều muốn tìm hiểu. Phận sự của tổ chức chúng tôi là bảo toàn cho tin tức trọng yếu không bị tiết lộ, bị lấy trộm, bị đưa đi xa, hoặc bị tình nghi, nếu chúng tôi có thể làm tròn sứ mệnh.

— Tôi hiểu. Và chính vì vậy ông đã lưu tâm đến cái chết của người em trai của tôi.

— Vâng.

— Và ông sẽ kể cho tôi biết những gì em tôi đang làm ?

Dillingham không trả lời ngay. Ông ta đứng dậy và lấy cái ống điều trên mặt bàn. Đó là một cái ống điều cũ mèm, không được đánh bóng, có thể tìm thấy hàng chục trong

tiệm Bertram, thứ mà giới cảnh sát, công an vẫn thường dùng vì giá tương đối rẻ. Ông ta nhồi thuốc vào đây và châm lửa rồi mới trở về ghế và nói tiếp :

— Thật tình, tôi không muốn kể cho ông nghe một chút nào, nhưng tôi sẽ kể nếu được ông giúp đỡ một vài công việc. Vì lẽ đó, tôi đã hỏi rõ về giấy tờ an ninh của ông.

Ông ta ngửa người ra trong chiếc ghế bành và thò một cuộn khói xanh lên trời.

Cuối cùng ông ta bắt đầu kể :

— Cách đây sáu năm, một thiên tài điện tử ở Pháp đã phát minh, hay khám phá, một nguyên lý đơn giản. Đó là một mạch điện tinh xảo nhưng đơn giản như trò chơi trẻ con, mà ông cũng như tôi không thể nào hiểu nổi dù có được giảng giải cặn kẽ. Mạch điện này được bỏ vào trong một chiếc hộp nhỏ màu đen, kích thước và hình dạng tương tự một hộp xì-gà loại thường. Kể từ khi chương trình không gian cần dùng tới, người ta đã tạo được nhiều tiến bộ trong vấn đề rút gọn lại. Cắm vào bất cứ nguồn điện nào — chỉ cần một lỗ tiếp điện trên tường — và vặn lên, cái hộp nhỏ này sẽ tức khắc làm tê liệt mọi hoạt động về điện và điện tử trong một vòng tròn bán kính hơn ba mươi cây số. Nó sẽ tiêu diệt tất cả ra-di-ô, ra-đa, truyền hình, trắc viễn, viễn thông, các hệ thống điều khiển, các hệ thống đốt và mọi ứng dụng khác của điện tử cùng điện thường, ngoại trừ — và đây mới là phép lạ thật sự — *ngoại trừ năng lượng do chính nó cấp phát*. Nó không gây ra thiệt hại nào mà chỉ làm vô hiệu hóa tất cả.

Tôi liền bảo :

— Tôi đã nghe nói về chuyện đó.

— Chúa ơi, ông nói đùa !

— Đâu có. Cách đây độ chừng năm năm, trong lúc đi công tác tại Ba-lê, tôi đã nghe nói sơ lược về chuyện này trong một bài thuyết trình của một kỹ sư điện tử. Hồi ấy dường như vấn đề đó không được tán thưởng.

Dillingham hít một hơi thở dài một cách khác thường và từ từ thở ra.

— Ông làm tôi hoảng hồn. Không, thời ấy nó không được tán thưởng như hiện giờ, vì một lý do rất chí lý. Bởi vì nó có thể làm tê liệt mọi hoạt động trong một bán kính ba mươi cây số, nó sẽ làm tê liệt luôn tất cả hoạt động *bạn* cũng như địch. Do đó, người ta chỉ xem như đó là một trò chơi phá rối. Người ta dẹp nó sang một bên, chỉ thỉnh thoảng đem ra bàn luận lại như thuyết trình viên điện tử năm đó.

Ông ta ngừng nói một lát để đốt lại chiếc ống điếu đã tắt trên tay ông từ lúc nào.

— Nhưng một chuyện khác lạ đã xảy ra. Người em của ông đã nghiên cứu vấn đề này mà không hay biết gì về viên kỹ sư người Pháp. Nhưng vụ trùng hợp như thế thỉnh thoảng vẫn xảy đến. Nhưng người em của ông đã tiến xa hơn. Ông ấy đã khuếch đại tầm hữu hiệu của hộp điện—lên nhiều lần—đầu tiên là hai trăm cây số, rồi hai ngàn và năm ngàn. Sau đó, ông ấy lại dùng một kỹ thuật di tản để uốn cong tầm hoạt động, nhờ vậy nó có thể chạy vòng quanh quả địa cầu. Tuy nhiên ông ấy vẫn không thỏa mãn với kết quả đó, bởi vì mặc dầu tầm hiệu lực đã gia tăng vấn đề chính yếu vẫn chưa được giải quyết. Bởi vậy ông ấy cứ tiếp tục nghiên cứu cho đến lúc ông ấy *đã* thành công.

— Ông muốn nói em tôi đã tìm ra một cách che chở

cho máy móc của mình không bị cái hộp đó làm tê liệt ?

— Không. Người ta đã làm thử, nhưng dụng cụ cần phải trang bị quá nặng nề chỉ có những cao ốc lớn mới đủ chỗ chứa. Ngay cả những chiếc tàu thủy cỡ lớn cũng không đủ sức chở nổi, còn nói gì tới những phi cơ và hỏa tiễn. Điều em ông đã thực hiện là tìm một cách khiến cho cái hộp đen nhỏ kia biết *phân biệt*, chỉ làm tê liệt dụng cụ của kẻ địch, và chừa dụng cụ của mình ra. Đó là một vấn đề liên quan đến tần số, tôi hiểu, nhưng tôi không sao giải thích được. Chắc ông có thể hiểu vì sao.

Tôi bảo :

— Chuyện có vẻ hữu lý. Ted vốn là một chuyên viên đặc biệt nghiên cứu các tần số và rất giỏi về vấn đề này. Năm ngoái có một lần em tôi đã đưa tôi đi nghe một buổi hòa nhạc của Ban Nhạc Hòa Tấu Luân-Đôn và đã nhận ra một tiếng còi ở bên ngoài phòng thấp hơn tiếng kèn *oboe* một phần tư âm độ. Về phần tôi thì tôi chẳng nghe một tiếng nào.

Dillingham gật đầu.

— Ông ấy đã hoàn toàn thành công. Ông ấy thử lại đủ mọi cách, và bất cứ trường hợp nào cũng tốt đẹp. Tôi nghĩ ông có thể hiểu đây là phương pháp phòng thủ gần như hoàn hảo nhất để chống lại bất cứ gì.

— Ngay cả hỏa tiễn, nếu nó làm đảo lộn các hệ thống điều khiển.

— Nó làm được. Nó lại còn có thể khiến các hỏa tiễn quay trở về căn cứ xuất phát, nếu biết cách điều động. Nói tóm lại chẳng những mình có một phương tiện chống lại mọi thứ khí giới mà tự nó có thể xem là một thứ khí giới tuyệt luân, hoàn toàn theo ý mình. Nhưng tôi chắc ông thừa hiểu tình trạng trái ngược.

— Vâng. Nếu một kẻ nào khác chiếm đoạt được phát minh kỳ diệu này.

— Đúng thế. Cán cân lực lượng không thể giữ thẳng bằng mãi mãi. Các phương pháp ngăn ngừa không thể có hiệu lực một trăm phần trăm.

Tôi vừa uống trà vừa ngược mắt nhìn Dillingham. Bây giờ ông ta không còn mỉm cười. Ông ta đang dăm dăm nhìn tôi một cách kỳ lạ trong lúc tay gõ chiếc ống điều khiển cho tro rơi ra ngoài. Tôi hỏi:

— Tôi muốn nói phải chăng có người khác — ngoài em tôi — đã biết được bí mật này?

Ông ta đáp:

— Không thể biết hết. Đây chính là điểm đang làm tôi điên đầu. Ông nên hiểu, (ông ta dừng lại và uống ngụm trà cuối cùng) các họa đồ cất trong tủ sắt tại hãng RIEC không được đầy đủ. Một bộ phận chính yếu — bộ phận của mạch điện 1 m cho cái hộp đen phân biệt được mình với những hoạt động điện và điện tử của địch — đã bị thiếu.

— Thiếu?

— Không có trong tập họa đồ, cũng như trong cái hộp đen. Bộ phận đó ở ngay trong đầu của em ông. Ông ấy không bao giờ vẽ thành họa đồ và không bao giờ đề bộ phận đó trong cái hộp. Ông hiểu, chính chúng tôi đã yêu cầu ông ấy điều này. Chúng tôi đã nghĩ rằng đó là một cách bảo mật an toàn nhất.

Tôi cảm thấy bối rối và chắc hẳn đã lộ ra mặt. Ông ta cười một cách gay gắt.

Tôi bảo:

— Tôi không hiểu rõ. Hình như ông nghĩ rằng có kẻ đã giết em tôi để đoạt bộ phận đó. Chắc hẳn bộ phận

này giấu đâu đó trong nhà em tôi.

— Bộ phận đó tự nó không nghĩa lý gì với bất cứ ai không có phần còn lại của cái hộp đen. Nó cũng không thể dùng trong hệ thống máy móc của nước khác, như Pháp chẳng hạn. Nhưng ông đang bỏ qua một điều.

Ông ta nhìn thẳng vào mắt tôi, người nghiêng về phía trước.

— Dunbar, tôi xin đặt lại cho ông với hình thức một câu hỏi — một câu hỏi phân làm hai. Do đâu ông tin chắc em ông đã chết ? Và do đâu ông tin chắc *chúng tôi* nghĩ rằng em ông đã chết ?

Tôi dám quả quyết không một ai, dù phớt tỉnh đến đâu, có thể đứng trước một trường hợp như thế này. Các bạn đồng đội với tôi trong Thủy Quân Lục Chiến vẫn thường gọi tôi là « Mặt Đá », mỗi khi họ nghĩ tôi không thèm nghe ai nói gì. Nhưng tôi biết mặt tôi nhất định đang bộc lộ cơn xúc động này. Khóe miệng của Dillingham co rút lại trong lúc ông ta chăm chú nhìn tôi.

Tôi đứng vụt lên và bước tới kệ đề tạp chí ở sát bức tường bên cạnh cửa. Tôi nhớ đã trông thấy một tờ *Scientific American* trên kệ cùng với các thứ khác. Tôi nhớ đã cầm tờ báo lên và lật qua một lát trong lúc tôi cố dẫn cơn giận đang đốt cháy khắp người tôi. Một hồi sau, tôi buông tờ báo xuống kệ, nghe tiếng nó rơi lên mặt gỗ đánh bóng. Tôi lấy một hơi thở dài và trở về ghế.

Dillingham lại nói tiếp :

— Dunbar, ông nói cho tôi biết đi. Quả thật ông xúc động đến thế hay sao ?

Tôi bảo :

— Chỉ còn một chút xíu nữa là tôi giết ông.

— Tôi có thể hiểu điều đó.

— Tôi nói thiệt chứ không phải đùa đâu. Ông muốn giải thích rõ ông ngụ ý gì, hay là muốn tôi bắn một phát cho vỡ tan đầu ông ra.

Ông ta vẫn trầm tĩnh đáp lại :

— Ông có thể làm việc đó một cách dễ dàng. Nhưng nó vẫn sẽ không thay đổi gì hết. Lẽ tất nhiên tôi sẽ giải thích. Nhưng bây giờ đã gần bảy giờ rồi, và tôi không muốn bắt cô thư ký của tôi phải về quá trễ. Ông vui lòng đề tôi mời ông một ly rượu như tôi đã hứa với ông, và nếu tiện xin mời ông ăn cơm tối luôn thể.

3

MÀ I cho đến khi chúng tôi đã ngồi trong một góc tối của tiệm Rive Gauche ở Georgetown, nhà hàng sang trọng nhất khu vực phía nam hoặc phía tây của Le Pavillon, chúng tôi mới nói chuyện trở lại. Người bồi đặt hai ly Martini trước mặt chúng tôi rồi dang ra xa.

Dillingham hỏi :

— Ông vui mừng miễn lỗi cho tôi chứ ? Tôi đã suy nghĩ kỹ và không thấy có cách nào hay hơn.

— Ông khỏi phải xin lỗi, vì ông chỉ thi hành phận sự. Ông cảm thấy an toàn trong một nhà hàng công cộng như thế này hay sao ?

— Đây mới chính là nơi an toàn hơn hết. Từ bàn này mình không bao giờ nghe được tiếng nói chuyện ở bàn bên cạnh. Từ bây giờ cho đến tám giờ tối, tiệm luôn luôn vắng khách. Từ đây cho tới đó sẽ không có ai ngồi gần mình hơn ông đại tá Kinsman với cô tình nhân của ông ta. Họ đang ở góc đằng kia.

Ông ta gật nhẹ đầu, tiếp tục nói :

— Tôi đã yêu cầu François đừng mời ai ngồi gần mình trừ trường hợp bất khả kháng. Tới lúc đó mình sẽ bỏ đi.

— Ông rành việc hơn tôi nhiều lắm. Bây giờ, xin trở lại câu hỏi của tôi.

— Vâng. Tôi cũng định như thế. Nhưng mình hãy

gọi thức ăn trước đã. Nếu ông không thấy gì trở ngại, xin đề tôi gọi cho.

Ông ta gọi món *escargots* và *escalopines de veau à la Francaise*, với một chai Chateaufneuf du Pape, rồi bắt đầu ngay vào đề :

— Em ông không hút thuốc — chắc ông không biết ông ấy đã bỏ được thuốc lá ! — và lửa đã bắt cháy một cách giả mạo do một điếu thuốc. Tôi nói giả mạo bởi vì người ta đã dàn cảnh để cho chúng tôi tin như thế. Em ông là một người uống rượu rất chừng mực. Toàn thể nhân viên ở Hội Quán Jockey, là nơi ông ấy dẫn khách đi, đã cho chúng tôi hay ông ấy chỉ uống một ly cocktail — một thứ rượu không lấy gì làm mạnh, tối nay có lẽ tôi sẽ uống một lúc hai ly. Ông ấy chỉ uống một cái cocktail trước bữa ăn tối và trong lúc ăn không dùng rượu vang. Điều này đã khiến cho viên đại úy Sở Cứu Hỏa ngạc nhiên. Tuy nhiên, em ông lại bị đốt cháy mà không hề cựa quậy. Đêm hôm qua ai cũng có thể thấy rõ. Nói tóm lại, thân hình nằm trên giường không phải bị đốt tới chết, mà đã là một tử thi trước khi lửa bắt cháy. Và lửa đã lan nhanh rồi cháy lớn vì được châm thêm rượu, có lẽ rượu lấy từ trong tủ của em ông — mặc dầu điều này vẫn còn vài điểm khả nghi.

— Làm sao ông biết được đó là một xác chết ?

— Dễ quá. Nghiệm thi. Lỗ đạn xuyên vào đầu.

— Dillingham, ông làm cho tôi thêm rối trí. Ông muốn bảo rằng em tôi đã tự tử hay sao ?

— Thôi mà, Dunbar, mình đừng nên làm trò cười. Khắp trong nhà không có một khẩu súng nào. Em ông đã bị bắn ngay trán. Đầu đạn hãy còn ở trong đầu. Cái tử thi đó không phải là xác của em ông.

— Tại sao đêm hôm qua ông không kể hết cả cho tôi biết ?

— Đêm hôm qua có nhiều điều chúng tôi còn chưa biết rõ. Chúng tôi không chắc chắn về các sự việc đã xảy ra cũng như ... về diêm ông có đáng tin cậy hay không. Mãi đến bây giờ cũng vậy.

Tôi liền hỏi :

— Ông nói như thế với ngụ ý gì ?

— Ông hãy suy nghĩ lại một chút đi. Mình hãy giả sử em ông muốn cho người ta tưởng rằng ông ấy đã rủi ro bị chết cháy. Hãy giả sử ông ấy đã dựng ra tai nạn giả tạo đó — và điều này thì quả thật không sai — rồi rời khỏi nước. Lẽ tất nhiên, chúng tôi phải tự hỏi ông ấy có thể đi đến nơi nào. Mình có thể nói ngay đó là những nơi không mấy thân hữu với Hoa-kỳ. Chúng tôi còn có ý nghĩ không chừng em ông đã bàn với ông về những gì mà ông ấy định làm, căn cứ vào sự kiện ông đã trở về đây một ngày sau khi vụ cháy xảy ra.

— Có phải ông muốn nói em tôi đã bị đầu độc tự tưởng ?

— Dunbar, mình nên tránh những ngôn ngữ độc ác đó. Như thế là ngụ ý em ông đã bay qua bên kia Bức Màn Sắt. Trên thế giới hiện giờ có rất nhiều nơi khác không được thân thiện với Hoa Kỳ, nhất là kể từ khi Hoa-Kỳ lâm chiến tại Việt-nam. Chẳng hạn ông bạn đồng minh già của mình là Đại Tướng De Gaulle, cũng đã lạnh lùng quay mặt với mình và rất có thể ông ấy đã dùng đòn phép đe chiếm lấy cái hộp nhỏ màu đen đó. Ông cũng đã biết, thật ra, chính một người Pháp đã khám phá nguyên lý căn bản.

— Ông có thể chứng minh được nghi vấn này ?

— Không. Chúng tôi không sao chứng tỏ được đó không phải là xác của em ông, mà cũng không chứng tỏ được đó đúng là xác ông ấy. Bây giờ, ông thử xét kỹ từng giả thuyết một. Nhưng ông hãy đợi tôi kể cho ông nghe một vài chuyện mà ông còn chưa được biết. Thứ nhất là em ông đã có tên trong bảng danh sách những hành khách của hãng Hàng Không Đông Phương đi Nữu-uớc hồi sáng ngày hôm nay. Hiện giờ ông ấy đã ở Nữu-uớc và hai nhân viên ưu tú của chúng tôi đang cố tìm cho được tung tích ông ấy. Thứ hai là ông ấy đã ghi tên xin giữ một phòng ở boong A của chiếc *Queen Victoria*, sẽ nhổ neo vào ngày Thứ Hai. Ông có thể nói em ông định đi đâu ?

Tôi nhìn ông ta một hồi lâu, trong lúc cố dẫn cơn giận xuống, rồi mới nói :

— Chiếc *Victoria* sẽ ghé Queenstown—Cobh—và Le Havre với Southampton. Đó là một dự đoán điên cuồng.

— Không đến nỗi điên cuồng đâu. Ông có muốn cá em ông sẽ xuống bến Le Havre ?

Tôi bảo :

— Ông đã quản trí hay sao ? Nhưng nếu quả thật em tôi đi, nhân viên của ông có thể chặn bắt tại bến tàu Cunard sáng Thứ Hai.

— Ông vẫn còn không tin à ? Chúng tôi ... không hề có ý định đó. Vâng, chúng tôi có thể chặn bắt ông ấy. Nhưng chúng tôi không muốn. Như vậy sẽ gây rắc rối. Tôi định hành động một cách khác — một cách bán công khai và không gây tiếng vang. Tôi nghĩ chỉ có ông làm công việc này là hay hơn hết.

— Tôi ? Tôi đi bắt em ruột của tôi ? Ông điên mất rồi. Chính ông vừa bảo tôi không tin chuyện này một chút

CỬA ĐỊA NGỤC

nào. Theo ý tôi thì em tôi đã chết.

— Ông làm sao biết được ?

— Em tôi thà chết còn hơn là điều mà ông nghi ngờ. Ông nên suy nghĩ lại. Hình như ông tự hào mình là một con người giỏi lý luận. Theo lời ông thì đâu có gì hữu lý ? Chẳng lẽ em tôi dùng tên của mình khi đáp phi cơ của hãng Hàng Không Đông Phương ? Hoặc trong bảng danh sách hành khách trên tàu *Victoria* ? Tôi muốn nói, nếu em tôi bị đầu độc tự tử.

— Ông làm sao biết được ông ấy hành động như thế nào ?

— Điều đó ai cũng phải hiểu. Ông vẫn không biết rõ em tôi đã bay qua Nữ-Ước.

— Dunbar, ông coi thường chúng tôi quá. Chúng tôi đã kiểm soát mọi đường bay rời khỏi đây. Chúng tôi đã hành động rất nghiêm nhặt, đưa hình ông ấy cho nhân viên ở quầy vé của các hãng máy bay và các nữ chiêu đãi viên hàng không. Hãng Đông Phương là nơi cuối cùng chúng tôi dò hỏi. Quả thật là kẹt cứng nếu chúng tôi không tìm thấy ghi chú về đường bay với tên họ ông ấy ghi rõ ràng trên đó. Còn việc tìm tên ông ấy trong danh sách chiếc *Victoria* thì quá dễ. Tôi phải nhìn nhận tôi vô cùng ngạc nhiên vì ông ấy đã dùng tên thật.

— Chỉ vì thế mà ông nghi ngờ kết luận của ông về việc em tôi bị đầu độc tự tử.

— Ồ, tôi vẫn thường dùng thủ đoạn nửa hư nửa thực đó. Dunbar, ông hãy nghĩ kỹ lại đi trong lúc tôi gọi rượu.

Ông ta bắt gặp ánh mắt của viên quản lý và gọi hai ly Martini với cà phê.

Đầu óc tôi vẫn còn choáng váng vì nghi ngờ và thiếu ngủ. Tôi rối trí vì những lý luận của ông ta, nhưng chuyện này quả thật rất kỳ lạ. Tôi không phải là một chuyên viên điều tra có huấn luyện căn bản, và tôi không quen nhảy tới một kết luận minh bạch như thế, khi không có một bằng chứng nào hiển nhiên mà chỉ vin vào những phỏng đoán. Ông ta gần như hoàn toàn tin tưởng vào giả thuyết của mình. Nhưng tôi vẫn còn bám lấy một cái phao mà ông ta không trông thấy. Tôi chợt có quyết định đưa ra cho Dillingham xem.

Tôi liền đưa cho ông ta bức thư Laura đã trao cho tôi hồi chiều ở Belvedere, phía trên Warrenton. Laura đã bản khoản về việc Ted phải đi công tác đúng lúc tôi về tới, khi nghe tôi kể chuyện, và đã đưa cho tôi xem bức thư cuối cùng của Ted gửi cho Laura.

Dillingham từ từ đọc :

Laura,

Anh Stuart vừa gọi điện thoại từ Luân-đôn cho hay anh ấy sẽ đến vào khoảng bốn giờ chiều ngày mai (Thứ Tư). Anh ấy và anh sẽ lái xe hơi về Belvedere sau khi ăn tối. Đáng lẽ anh về sớm hơn, nhưng tối nay anh có một cuộc hẹn quan trọng trong một bữa ăn. Có lẽ em còn nhớ những người sắp ăn cơm tối với anh. Họ là bạn của em và Harry. hay ít ra cũng là người quen mà anh đã gặp trong một dạ hội ở Cựu Kim Sơn hôm em dẫn anh đi theo — đó là Jacques de Ménard và Monique, cô em gái của anh ta. Anh ta là một tay cừ khôi về ngành điện tử ở Pháp, và anh ta muốn nói chuyện với anh về một bằng sáng chế của anh.

Sẽ gặp em ngày Thứ Tư.

Dưới bức thư là chữ ký « Ted », đúng nét chữ của em tôi. Dillingham ngẩng lên nhìn tôi khi ông ta đọc xong bức thư. Mặt ông ta hơi nhả lại trong lúc nói với tôi :

— Bây giờ ông mới chịu kể cho tôi nghe một chuyện mà tôi chưa được biết. Tôi đoán Laura là em gái của ông ?

— Vâng.

— Và ông đã không cho bà ấy hay em ông đã chết ?

— Không. Chắc ông còn nhớ, tôi không tin chuyện đó.

Ông ta bảo :

— Nhà ông cụ của ông ở đồi Belvedere, phía trên Warrenton, tôi biết chỗ này. Còn Harry là ai ?

— Chồng của em gái tôi. Em gái tôi sinh sống ở Cựu Kim Sơn và có chồng là một luật sư cố vấn cho nhiều công ty điện tử ở miền duyên hải phía tây.

Ông ta có vẻ trầm ngâm.

— Tôi không ngờ ông lại có thể cho tôi hay một điều mà tôi không được biết, ngoại trừ về quyền khai thác sáng chế của em ông.

— Điều gì ?

Ông ta nhìn tôi một cách chăm chú.

— Ông có biết hai anh em Ménard ?

— Không. Còn ông ?

— Ông ta là sáng lập viên có thiên tài và hiện giữ chức chủ tịch một hãng điện tử Pháp — Compagnie Electronique Franaise, S.A. , thường được gọi tắt là CEFSA. CEFSA chính là hãng đã sáng chế chiếc hộp nhỏ màu đen đầu tiên mà tôi vừa kể cho ông nghe.

— Trời ơi !

— Đúng như ông nói. Hoạt động của Ménard rất rộng

lớn, tôi đã biết chắc như vậy. Có lẽ không phải chỉ là một sự tình cờ. Ông chắc chắn không còn gì khác muốn kể với tôi ?

Tôi gay gắt bảo :

— Dillingham, tôi đã muốn nôn vì cái lỗi nói chuyện đầy ác ý của ông. Dù tôi có biết chuyện gì đi nữa tôi cũng sẽ không nói với ông đâu. Nhưng có một chuyện mà tôi sẽ làm. Tôi sẽ ra bến tàu Cunard vào sáng Thứ Hai. Nhưng không phải vì tôi nghĩ rằng sẽ gặp Ted ở đó. Ted đã chết rồi, điều đó còn chắc chắn hơn cả sự kiện các nhân viên của ông còn sống, dù em tôi đã làm gì với chiếc hộp màu đen đi nữa. Nhưng tôi sẽ đến đó, chỉ để chứng tỏ rằng ông đã lầm. Tôi hiện đang được nghỉ phép một thời gian ngắn. Tôi sẽ theo chiếc *Victoria* trở về Southampton, và tôi sẽ chứng tỏ Ted không có mặt trên tàu.

Dillingham mỉm cười với tôi, một cách khoan hòa.

— Thế là hơn cả những gì tôi ước mong. Cảm ơn ông. Tôi chỉ ước mong ông chứng tỏ được điều đó. Tôi có thể lấy vé cho ông? Mặc dầu vào mùa này, nhưng bây giờ đã muộn, mua được vé không phải là chuyện dễ.

— Nếu ông bảo cô thư ký của ông đừng xếp vào hồ sơ liên bang.

Ông ta bỗng bật cười lớn, khiến cho mấy người bồi đều nhìn về phía chúng tôi. Cuối cùng ông ta nói :

— Được, tôi sẽ làm theo lời ông. Nhưng tôi cũng sẽ cho một người của tôi đáp chuyến tàu này để quan sát diễn tiến của nội vụ.

— Như vậy có nghĩa là tôi cũng đang bị nghi ngờ ? Dillingham không cười nữa.

— Điều đó khiến cho ông ngạc nhiên hay sao ?

CỬA ĐỊA NGỤC

— Không có gì làm cho tôi ngạc nhiên.

Ông ta trầm ngâm nhìn tôi một lúc rồi bảo :

— Dunbar, tôi đã đọc kỹ hồ sơ lý lịch của ông. Tôi biết rõ đoạn đời đã qua của ông không khác gì chính tôi đã sống đoạn đời ấy. Tôi cũng đã đọc bốn cuốn sách của ông : *Dường Về, Lắng Nghe, Thành Đô và Chẳng Ai Tìm Dấu*. Cuốn thứ nhất là cuốn sách viết về chiến tranh hay nhất trong số sách cùng loại mà tôi đã có dịp đọc. Nhưng dù sách có hay đến mức nào tôi vẫn không tin người viết. Dù đó là một người đã từng đoạt Hải Quân Bội Tinh.

Tôi cho ông ta biết luôn :

— Ted đã chiếm Ngôi sao Bạc ở Triều Tiên. Tại Chosin Reservoir.

Ông ta vẫn không hé mồm cười.

— Thế thì tôi tin ông ấy ít hơn ông một chút. Ông có muốn nghe tôi kể một vài điều tôi được biết về ông ?

— Do những nguồn tin nào ?

— Ba người bạn xưa cũ nhất của ông. Đầu tiên là MaKcendrick, chủ bút tờ *Daily Galaxy* xuất bản ở Honolulu.

—Ồ ! George.

— Kế đó là Selden, giám đốc phân bộ Viễn Đông của Thế Giới Ngân Hàng (World Bank)

—Ồ ! Charles.

— Cuối cùng là Wellfleet, giám đốc Chi Nhánh Đông Kinh của Hiệp Hội Báo Chí Liên Bang (Federated Press Associations) .

—Ồ ! James.

— Những chi tiết về các cuộc phỏng vấn mà các điều tra viên của chúng tôi đã thu hoạch được quả thật rất khác

thường— khác thường từ chiều sâu cho đến chiều rộng. Lúc này tôi có thể cho công bố, nhưng tôi không muốn. Tôi sẽ mô tả một vài nét đại cương về con người của ông, căn cứ theo những phúc trình mà tôi đã đọc.

Tôi gật đầu.

— Để mình hiểu nhau. Xin ông cứ mô tả.

Ông ta khởi sự ngay :

— Ông là một con người lẳng mạn, trước ai hết, và có lẽ cũng sau ai hết. Ông kiêu hãnh một cách hoang đường về tổ tiên Tô-cách-lan của ông. Ông là người kín đáo về phương diện vật chất nhưng không mấy kín đáo về phương diện tinh thần và tình cảm. Ông thường tự hành hạ vì những tư tưởng hoài nghi về bất cứ những gì ông đã làm — không phải trước mà sau khi đã làm xong. Theo lời các bạn ông, đó là một việc thừa, vô ích. Ông có lòng can đảm của một người không giàu óc tưởng tượng, mà thật ra không phải như thế. Ông tự cho mình là một kẻ khổ sở và khó khăn mỗi khi cần phải giải quyết một việc gì, mà thật ra cũng phải như thế. Bình thường ông không tin tưởng mình có thể bình tĩnh đương đầu với hiểm nguy. Ông lại đã nhất định từ chối Hải Quân Bội Tinh mà ông đã được đề nghị trao tặng tại Guadalcanal, nhưng người ta không chịu để cho ông từ chối. Vì thế, ông không bao giờ đem ra mang.

Tôi trầm trồ :

— Chà, mê ly quá.

— Họ còn cho tôi biết ông là một con người kỳ lạ khi thì vui tính khi thì lại rất nghiêm trang — có lẽ chính là một trong những người cuối cùng thuộc dòng dõi quý tộc. Ông không bao giờ kể cho bất cứ ai nghe về chuyện về bất

cứ một người đàn bà nào mà ông đã từng quen biết, dù trong những lúc say — và họ cũng kể với tôi ông là một tay uống rượu đến cùng nếu ông muốn. Đàn bà nhận thấy ông quyến rũ và vô hại — quyến rũ bởi vì ông có vẻ rụt rè, và vô hại bởi vì ông là một người hiền lành.

Ông ta ngừng lại và uống cạn ly rượu.

— Như thế có đủ không?

Tôi lắc đầu.

— Hơi quá đáng thành ra không được đúng. Bảy giờ tôi xin phép về?

— Ông cứ tự nhiên. Đề tôi trả tiền xong là mình có thể đi ngay.

Mấy lời sơ lược của ông ta khiến cho cả tâm trí tôi lay chuyển. Tôi suy nghĩ mãi trong lúc bước dọc theo căn phòng và đi vào buồng rửa tay ở phía sau hành lang. Tôi biết câu chuyện về đàn bà phát xuất từ đâu. Trong ba ông bạn cố tri của tôi chỉ có James Wellfleet là người hiểu tôi nhất về điểm đó.

Có nhiều người đàn ông — nhiều hơn quý bạn có thể tưởng — thường nhìn người đàn bà như nhìn một phần của một tổ chức, gần như vô hồn, như chỉ là một món đồ, một vật không có cá tính: máy lạc thú, máy đẻ con, máy giặt rửa, máy may vá. Tôi không phải là một người trong hạng này. Có lẽ chính vì vậy mà Dillingham đã sỉ vả tôi là kẻ rụt rè. Không rụt rè với một cái máy là chuyện quá dễ. Không rụt rè với một đồ vật không có cá tính thì lại càng dễ hơn nữa.

Chính vì vậy mà tôi thường rất dễ lúng túng. Những bàn tay con gái mượt lông tơ, những cổ tay con gái no tròn, sự đụng chạm của lông nheo con gái và hơi ấm của da

thịt con gái, tất cả đều có thể thắm sâu vào hồn tôi chỉ vì tôi nhận biết được. Chắc vì vậy mà tôi hay rụt rè.

Trên đường về, tôi nói với Dillingham :

— Tôi muốn xem qua căn nhà của em tôi, nếu ông thấy không có gì trở ngại.

— Tôi không thấy trở ngại. Chúng tôi đã lục soát hết sức kỹ. Tôi sẽ cùng đi với ông.

— Ông có chìa khóa?

— Vâng. Mình hãy đi xem thử. Rất có thể ông sẽ trông thấy một điểm nào đó mà người của tôi đã không thấy. Nhân tiện, tôi khuyên ông chớ nên lo lắng về việc chôn cất xác chết. Dunbar, ông nên tin tôi, đó không phải là xác em ông đâu. Chúng tôi vẫn chưa biết đó là xác của ai, nhưng nhất định không phải là của ông ấy.

— Tôi vẫn còn không tin như thế.

Quả thật tôi không thể nào tin nổi. Tin chuyện đó tức là phải tin luôn điều mà chắc chắn Ted không thể làm.

4

DILLINGHAM làm cho tôi kinh ngạc trong lúc chúng tôi im lặng bước dọc theo đoạn hành lang lót thảm dẫn tới cửa phòng của Ted vì bỗng nhiên ông ta khom mình xuống và bước từ từ, đầu gối gập lại và mặt chỉ cách nền nhà chừng một thước tây. Tôi dừng chân để nhìn ông ta. Ông ta liền giơ bàn tay phải lên ra dấu yêu cầu giữ im lặng. Tôi đứng nguyên chỗ vừa dừng, cách cửa độ ba thước, chăm chú nhìn ông ta đang rón rén tiến tới đó. Khi ông ta đến nơi, tôi mới hiểu vì sao ông ta cúi xuống. Dưới khe cửa có một vạch sáng mờ mờ màu vàng.

Dillingham đứng thẳng người lên với chìa khóa cầm trong tay. Lúc tôi bước tới bên cạnh, ông ta nắm lấy khuỷu tay của tôi và đẩy tôi sang một bên, để tôi đứng sát vào tường gần bản lề cửa. Với một cử động thật chậm và yên lặng mà tôi khó lòng bì nổi, ông ta đút chìa khóa vào ổ. Tôi như không thấy nó di động và cũng không nghe một tiếng động nhỏ nào phát ra từ ổ khóa. Khi chìa đã lọt vào đúng mức, ông ta từ từ xoay. Ông ta cầm quả nắm cửa bằng bàn tay trái, di động thân hình ông ta tránh xa khung cửa về phía tôi, bất thần xoay quả nắm và xô nhanh cánh cửa về phía trong. Cánh cửa đập mạnh vào bức tường trong phòng khách.

Trong toàn thể căn nhà không có một tiếng động

nào. Dillingham lướt thân hình gầy ốm của ông ta quanh mép cửa. Ông ta khuất khỏi tầm mắt của tôi trong nửa phút. Rồi ông ta thò đầu ra mép cửa và ra dấu tôi đi vào.

Mặc dầu ông ta đã đưa tay đề phòng, tôi suýt lên tiếng nói khi tôi trông thấy căn phòng khách. Quang cảnh tựa hồ một bọn phá hoại vừa đến nơi đây. Các học bàn giấy cùng những vật dụng bên trong vất bừa bãi trên sàn. Tất cả nệm ghế đều bị rách nát. Ngay cả những tấm màn treo ở mấy khung cửa sổ cũng bị cắt xé, lột hẳn lớp vải lót ra. Những bức tranh cũng bị lôi xoắn tháo ra khỏi khung.

Cả hai phòng ngủ cũng cùng chung tình trạng. Mấy chiếc tủ bị mở toang và áo quần nằm vãi trên nền nhà. Trong buồng tắm chính, cái nắp cầu bị hất xuống đất và vỡ làm hai. Tôi định bước qua buồng tắm thứ hai. Dillingham liền ngăn tôi lại. Ông ta đi trước mặt tôi. Tới cánh cửa đóng kín của buồng tắm, ông ta lại làm như ban nãy ngoài cửa trước, nhưng theo chiều ngược lại, lôi cánh cửa ra phía ngoài khiến nó đánh mạnh vào mặt tường phòng ngủ. Đèn trong buồng tắm đang cháy sáng.

Đứng trước bồn rửa tay đối diện với khung cửa, mặt sau của hai chiếc dùi áp vào cạnh bồn là một người đàn bà. Đôi mắt của nàng mở tròn và đầy kinh hãi. Nàng là một người đàn bà có thân hình khá cao. Lời mô tả của Laura chợt nhảy vào tâm trí tôi: ‘*Rất xinh, nếu anh muốn dùng một chữ hơi nhẹ. Riêng em thì ... tuyệt đẹp. Tóc rất đen, mắt xanh lục. Miệng hơi rộng, mũi quý phái — tiếng đó nhá chứ? Vào khoảng hai mươi sáu hoặc hai mươi bảy, theo em phỏng đoán. Khá cao — có lẽ tới một thước sáu mươi lăm hoặc một thước sáu mươi bảy. Tóc chải cao nên trông*

người cổ vẻ cao hơn. Da hơi xanh, như người hơi thiếu máu.

Tôi liền nói với Dillingham :

— Đây là cô De Ménard.

Cô gái lạnh lùng nhìn tôi một lát rồi mới hỏi :

— Ông làm sao mà biết được tên tôi ?

Giọng của nàng rất bình tĩnh, thật trầm như hơi khàn.

Dillingham trả lời nàng :

— Đây là Stuart, anh của Edward Dunbar. Tôi đoán ông ấy đã nghe người ta mô tả về cô, có lẽ chính người em gái của ông ấy đã mô tả.

Nàng mỉm cười trong lúc môi vẫn không hé mở, miệng cong lên về phía trên ở hai bên khóe tạo thành một vòng cung thật đều. Nàng bước ra khỏi buồng tắm và đưa tay cho tôi bắt. Bàn tay của nàng mát rượi và chắc chắn nhưng chỉ ở yên trong tay tôi, không siết lại.

Nàng nói, mắt vẫn chỉ nhìn tôi :

— Tôi có biết Ted và Laura. Nhưng tôi không biết họ còn có một người anh. Trông ông không giống một người em nào của ông cả. Ông giống hệt Angus Ogilvie.

Nàng trầm tĩnh tựa hồ chúng tôi vừa được giới thiệu với nhau trong một dạ hội chứ không phải trong một buồng tắm, nơi nàng đang ăn trốn. Tôi luôn luôn tin tưởng vào linh cảm hơn ký ức, bởi vì thời gian vẫn thường thay đổi màu sắc của ký ức bằng cách này hoặc cách khác. Nhưng tôi nhớ rõ buổi tối hôm ấy nàng đã khiến cho lòng tôi rung động một cách kỳ lạ. Và khi tôi, nói rung động tức là sự thật đúng như thế. Tôi cảm thấy khắp người bâng hoàng, thân xác như muốn bay bổng lên cao. Đồng thời tôi cảm thấy cần phải đề phòng nàng, nhưng cũng có thể

đó chỉ là cảm giác gây ra khi những sợi tóc ngắn phía sau gáy hơi dựng lên, cảm giác thường được xem là một dấu hiệu báo nguy.

Tôi dần dần tỉnh người trở lại để nhận thấy Dillingham đang chăm chú nhìn chúng tôi.

Ông ta lên tiếng:

— Tôi xin phép được hỏi vài câu ?

— Thưa, ông là ai ?

Dillingham lại tái diễn cử động nhẹ nhàng rút tấm thẻ ra khỏi túi. Ông ta mở ra và đưa cho nàng. Nàng từ từ xem qua rồi bảo :

— Tôi hiểu.

Vẻ sợ hãi lại thoáng qua mắt nàng trong một giây đồng hồ và biến mất trước khi tôi có thể tin chắc mình đã trông thấy.

Dillingham ra dấu nàng đi ra phòng khách. Tôi say mê ngắm nàng trong lúc nàng bước dọc theo hành lang. Nàng bước đi với một điệu bộ duyên dáng và thẳng băng tuyệt diệu, như một người mẫu. Nàng nhặt một cái gối trên nền nhà và đặt trên một chiếc ghế bành, úp mặt bị rách xuống phía dưới. Nàng ngồi xuống, lưng thật thẳng và hai đầu gối ép sát vào nhau, khiến cho hai chiếc đùi căng tròn với những đường nét toàn hảo. Chỉ cần một cử động ngồi xuống đó cũng đủ được gọi là một công trình mỹ thuật.

Giọng nói của nàng trong lúc nàng trả lời Dillingham thật trầm tĩnh. Nàng nói tiếng Anh rất giỏi. Tôi tin chắc nàng đã được đi học trường Anh ngay từ hồi nhỏ. Nhìn nàng và nghe nàng, với cơn rung động vẫn còn chạy trong huyết quản, tôi chỉ nghe nửa được nửa mất những câu hỏi của Dillingham.

Khi tôi bắt đầu thực sự chú tâm được, nàng đang nói :

— Tôi đến tìm Ted Dunbar. Tôi muốn hỏi ông ấy có gặp anh tôi hay không. Anh tôi đã không trở về khách sạn của anh ấy— khách sạn của chúng tôi — từ hôm Thứ Ba.

— Ông ấy không để thư từ gì cho cô hay sao ?

— Chỉ có mấy lời cho biết anh ấy định đi tới hãng RIEC là nơi anh ấy có một cuộc hẹn.

— Tại sao lại RIEC ?

— Anh tôi hiện đi viếng thăm nhiều công ty điện tử Hoa-kỳ. Anh ấy là giám đốc sản xuất một công ty điện tử của chính anh ấy. Ted Dunbar là phó chủ tịch của hãng RIEC, và tôi tưởng anh tôi đang đi gặp ông ta.

— Ai đã phụ giúp cô trong việc lục soát căn nhà này ?

Nàng tức giận đáp, trong lúc đưa mắt nhìn quanh cảnh tượng tan nát :

— Lẽ tất nhiên tôi không hề lục soát. Tôi mà có thể gây ra chuyện kinh khủng như thế này hay sao ?

— Tôi không biết. Rất có thể cô đang muốn tìm kiếm một vật gì. Cô làm sao vào được trong này ?

— Cửa trước không khóa. Khi không có ai trả lời tiếng gõ cửa của tôi, tôi mới bước vào và lên tiếng gọi Ted. Anh ấy không có mặt tại đây. Tại sao buồng ngủ cháy như vậy ?

Dillingham nóng nảy bảo :

— Một tai nạn. Cô vào đây từ lúc nào ?

— Mới trước các ông một chút mà thôi. Tôi vừa bước vào phòng ngủ thì nghe tiếng ông xô mạnh cánh cửa. Tôi hết sức hoảng sợ.

— Và vì thế cô đã trốn vào trong buồng tắm. Một điều

khá kỳ lạ. Cô không có ý nghĩ tiếng động đó có thể là Ted Dunbar trở về nhà ?

Nàng không trả lời trong một lúc. Nàng vẫn ngồi một cách đoan trang trong chiếc ghế bành lớn, lưng thẳng, đầu lắc nhẹ nhẹ một cách thanh nhã trên chiếc cổ thon thon. Hai bàn tay của nàng siết nhẹ với nhau giữa hai đầu gối. Tôi thừa hiểu Dillingham chăm chú nhìn cử động này như một dấu hiệu lo sợ, nhưng tôi chăm chú nhìn một hồi mà vẫn không thấy nàng run. Nàng vẫn rất thản nhiên. Nhưng đó chính là một tính chất đặc biệt người ta thường thấy trong đa số đàn bà Pháp.

Cuối cùng nàng nói :

— Tôi không tin ông ấy có thể mở cửa một cách nào động như vậy. Ông ấy không có cái tính đó. Ông ấy vui vẻ và hoạt bát, nhưng không ồn ào.

— Cô có vẻ hiểu ông ấy nhiều.

— Tôi chỉ gặp Ted mấy lần trong các dạ hội và tiệc tùng.

— Cô sẽ ở Hoa-thịnh-đốn lâu ?

— Chúng tôi sẽ đáp tàu *Queen Victoria* vào ngày Thứ Hai. Tôi đoán chắc phải chờ anh tôi cho tới Thứ Bảy, rồi chúng tôi cùng đi Nữ Ước.

Tôi liếc Dillingham khi nàng nhắc tới chiếc *Queen Victoria*. Nhưng ông ta hình như không để ý tới, và nói với Monique :

— Xin cảm ơn cô. Xin cô hãy gọi điện thoại cho tôi hay nếu cô nghe được tin tức gì về anh cô. Tôi muốn nói với ông ấy một vài câu chuyện.

Ông ta đưa cho nàng một tấm danh thiếp. Nàng nhìn qua với vẻ băn khoăn rồi cất vào trong ví tay và hứa :

— Vâng. Tôi sẽ nhớ. Bây giờ tôi có thể ra về ?

— Cô hoàn toàn tự do muốn đi đâu tùy ý. Cô hiện lưu ngụ ở đâu ?

— Ở khách sạn Mayflower. Phòng 709A,

Nàng lại nhìn tôi mỉm cười với đôi môi hơi nhếch lên thành hình trái tim và đi ra. Qua khỏi cửa nàng nhẹ nhàng đóng lại.

Dillingham ngắm ánh cửa một hồi lâu mới nói với tôi :

— Hay lắm. Chắc ông nhận thấy cô ta không hỏi chuyện gì đã xảy ra tại đây ? Tại sao tôi điều tra ? Ted Dunbar hiện ở đâu ? Kỳ lạ thật.

Tôi liền bảo :

— Như một con chó không sữa trong đêm tối.

Ông ta bật cười.

— Đại khái như thế. Nhưng không hoàn toàn đúng hẳn.

5

ÔNG ta bỏ tôi tại đây. Tôi cặm cui suốt gần một tiếng đồng hồ lục soát khắp bàn viết của Ted và không tìm thấy một vật gì đáng lưu ý ngoại trừ một ghi chú trên tập lịch cho tối Thứ Ba : « *Monique và Jacques—ăn cơm tối ở Hội Quán Jockey. Hỏi Jacques về Anson .* » Khám phá độc nhất của tôi nằm trong tủ áo của Ted. Mấy cái va-li của Ted không còn, cũng như ba bộ vét-tông và chiếc áo choàng bằng vải len mà Ted đã mua trong lúc đi thăm tôi ở Luân đôn. Phát giác này khiến cho tôi thất vọng. Nhìn những khoảng sạch trong lớp bụi của sàn tủ, nơi để mấy cái va-li, tôi tưởng chừng muốn khóc một lần nữa.

Sự ương ngạnh của tôi không phải là một tính di truyền. Ba tôi là một con người hiền lành và đa cảm và má tôi hồi còn sống cũng rất hiền lành. Bây giờ nghĩ lại điều đó, tôi đoán sở dĩ tôi cứ nhất thiết không chịu đổi ý là do một vị tổ tiên nào quá xa xưa nên bây giờ trong gia đình không ai còn nhớ. Tôi không sao hiểu được. Nhưng tôi biết rằng mãi cho tới lúc này tôi vẫn không chấp nhận giả thuyết do Dillingham đã đề ra một cách vô cùng minh bạch và hữu lý : Ted chưa chết. Và dù tôi trông thấy rõ sàn tủ đầy bụi này tôi vẫn không hoàn toàn chấp nhận được. Nhưng tôi đã có một quyết định trong lúc tôi đứng sững sờ trước cảnh tượng vừa phát giác.

Quả thật tôi không phải là một chuyên viên điều tra có bằng cấp như các vị ở cơ quan cảnh sát. Tuy nhiên nhờ sống một cuộc đời quá nhiều đổi thay đến chịu không nổi trong Hội Đoàn Báo Chí Quốc Gia, khi thì thu góp khi thì truyền bá các tin tức, nên tôi đã hiểu khá nhiều về các kỹ thuật điều tra. Bất cứ một ký giả lành nghề nào cũng có thể tìm ra nhiều chi tiết mới lạ trong một cuộc thăm vấn êm dịu, nhất là nếu anh ta muốn chọc tức kẻ đối thoại bằng những câu hỏi tàn nhẫn, nhưng không hoàn toàn giống phương pháp cảnh sát vẫn thường dùng.

Tự biết giới hạn của mình, tôi khởi sự dò xét bằng cách rời khỏi nhà của Ted và đi dài theo dãy hành lang, về phía bên kia thang máy, tới một cửa đối diện với cửa nhà của Ted và cách xa tới mười lăm thước. Tên ghi trên mặt cửa là Mannion.

Người đàn ông trả lời tiếng gõ cửa của tôi, mang một bộ mặt đầy nghi ngờ và tức giận. Ông cụ tuổi đã khá lớn, người cao và gầy, khiến tôi liên tưởng đến Lincoln (1) nhưng thiếu mất bộ râu. Thân hình ốm nhom của ông cụ được khoác bằng một chiếc áo ngủ loại đắt tiền. Chiếc quần dài bên dưới chưa có nếp nhăn, nên tôi nghĩ ít nhất tôi cũng không lôi ông cụ xuống khỏi giường.

Tôi mở lời:

— Tôi là Stuart Dunbar. Tôi là anh ruột của một người láng giềng với cụ là Ted Dunbar, ở về phía bên kia hành lang. Tôi xin phép được hỏi thăm cụ trong vài phút.

(1) Abraham Lincoln (1809-1865): vị tổng thống thứ mười sáu của Hoa-Kỳ từ 1960 đến 1965 đã bị ám sát bởi J.W. Booth một kẻ cuồng tín muốn duy trì chế độ nô lệ da đen(c t.c.d.g).

Ông cụ hơi dịu nét mặt.

— Mời cậu vào. Cậu uống một ly nhé ? Tôi vừa làm xong một ly trước khi đi ngủ.

— Dạ thôi, xin cảm ơn cụ. Tôi không dám làm mất thời giờ của cụ quá nhiều. Tôi chỉ muốn hỏi thăm cụ có trông thấy gì khác lạ xảy ra trong nhà em tôi đêm Thứ Ba vừa qua

— Lẽ tất nhiên có. Cậu ngồi xuống đi.

Vừa nói ông cụ vừa ra dấu cho tôi ngồi xuống một chiếc ghế bành và tắt chiếc máy thâu thanh lúc đó đang phát ra một khúc nhạc của Schumann, rồi tiếp ngay :

— Tôi đã trông thấy một điều vô cùng kỳ lạ, và tôi đã kể lại với cảnh sát, nhưng mấy ông đàn độn đó không tin là chuyện quan trọng.

Ông cụ nheo mắt nhìn tôi trong lúc vẫn nói tiếp :

— Có lẽ cậu cũng sẽ không tin.

— Xin cụ cứ kể cho tôi nghe thử.

— Được. Lúc ấy tôi vừa đi bỏ một bức thư vào thùng bên cạnh thang máy. Khi tôi trở về, vừa mở cửa, tôi bỗng nghe nhiều tiếng nói lớn vang lại từ nhà người em của cậu.

— Lúc đó mấy giờ ?

— Gần một giờ sáng. Một trong mấy giọng nói có vẻ giận dữ, cho nên tôi đã trở vào nhà ngay và nhìn qua lỗ kính một chiều gắn trên mặt cửa.

Ông cụ nhe răng cười tự thú nhận :

— Tôi quả thật quá tò mò.

— Chuyện đó đâu có gì lạ. Tôi gặp hoàn cảnh cụ thì cũng thế.

— Tôi không tin. Cậu nên hiểu tới tháng tư năm nay tôi đã bảy mươi hai tuổi rồi và chỉ còn rất ít trò giải trí... Tôi bỗng thấy cửa nhà em cậu mở ra, và một người

đàn ông mặc một bộ đồ sẫm màu đứng ở ngưỡng cửa.

— Em tôi ?

— Tôi không rõ. Ánh sáng từ phía sau lưng người đó rọi ra chỉ lờ mờ mà đèn ngoài hành lang cũng được vặn yếu đi trong ban đêm. Người đàn ông đang nói chuyện với một người nào đó trong nhà em cậu. Rồi ông ta quay mình bỏ đi và ông ta chợt trông thấy một cái gì ở khúc quẹo của hành lang— ngay khi qua khỏi cửa nhà em cậu. Hành lang quẹo về phía tay phải. Ông ta thụt lùi tựa hồ giật nẩy mình vì cảnh vừa trông thấy. Rồi ông ta há miệng kêu lên hai tiếng : ‘ Ah ! So ! ’ giống như tiếng Nhật. Chỉ có vậy. Rồi dường như người nào đó ở khúc quẹo bật một ngọn đèn pin trong khoảng một giây đồng hồ, làm cho đoạn hành lang mờ tối sáng hẳn lên. Người ở ngưỡng cửa nhảy lùi trở vào bên trong nhà em cậu và ngay sau đó cánh cửa đóng lại. Và tất cả chỉ có thế. Tôi vẫn tiếp tục dò xét suốt nửa giờ sau đó, nhưng không trông thấy gì nữa.

Tôi trầm ngâm bảo :

— Thật là kỳ lạ. Một ngọn đèn pin ? Cụ chắc chắn chứ ?

— Lẽ tất nhiên chắc chắn. Tôi biết đèn pin như thế nào mà.

— Nhưng thật ra cụ đâu có trông thấy cây đèn ?

— Cậu nói phải, không phải cây đèn, mà là ánh sáng. Sau đó không có gì khác lạ mãi cho đến lúc lính cứu hỏa đến vào lúc quá hai giờ sáng. Nơi đây bỗng như biến thành một nhà thương điên trong cả hai tiếng đồng hồ.

— Xin cảm ơn cụ. Cụ Mannion, cụ đã giúp đỡ tôi nhiều quá.

Thật ra chàng vẫn không thấy chuyện ông cụ vừa kể

hữu ích ở điểm nào, nhưng chàng vẫn cố nghĩ như thế, trong lúc hồi tiếp :

— Tôi xin hỏi thêm một câu cuối cùng : khi ánh đèn chiếu vào mặt người đứng ở ngưỡng cửa, cụ có nhận ra ông ta là ai hay không ?

Ông cụ cau mày, như đang nhìn trở vào ký ức trước khi trả lời :

— Hiện giờ tôi vẫn chưa nhận ra, nhưng trông ông ta có vẻ quen quen. Như tôi nói, ánh đèn ngoài hành lang không được sáng lắm. Tôi chỉ thấy mái tóc ông ta thật đen.

— Tôi không dám làm phiền cụ nhiều hơn nữa. Xin cảm ơn cụ... và chúc cụ ngủ ngon.

— Có gì đâu mà làm phiền. Trái lại, tôi vui mừng được giúp cậu.

Tôi nghĩ có lẽ chính câu hỏi cuối cùng mới thật sự giúp ích cho tôi. Ted có một mái tóc thật đen mà ngay lúc còn ở trong Thủy Quân Lục Chiến vẫn không chịu hớt ngắn. Tôi vẫn nghĩ rằng đó là một hình thức ba gai trong quân ngũ.

Đêm đã quá khuya, không thể làm gì thêm được nữa. Tôi bước dọc theo Đường Mười Tám, qua hai khóm nhà nhỏ, trở về Khách-sạn Marlyn trong một đêm có thời tiết rất êm dịu mà thỉnh thoảng Hoa-thịnh-đốn vẫn được hưởng dù đang giữa Tháng Hai. Một màn sương mù mỏng vật vờ bay trong không khí, và những đám mây kéo nhau chạy qua trước mặt vùng trắng trông tựa hồ một cơn mưa lớn. Khu vực này của Hoa-thịnh-đốn đã đi ngủ. Tôi không gặp một người nào. Nhưng lúc tôi quẹo từ Đường Mười Tám qua Đường N và ngoảnh nhìn lại con đường cũ, tôi chợt trông

thấy một bóng đen mặc áo choàng và không đội mũ đang bước dọc theo khóm nhà tôi vừa mới đi qua. Y chậm lại khi trông thấy tôi nhìn lui, và giả vờ tìm sổ nhà. Tôi không hiểu y có biết tất cả những căn phố thuộc khóm nhà đó đã bị chiếm cứ từ lâu bởi một phân khoa của một trường đại học. Toàn thể đều đen tối. Tôi không thể quả quyết có phải y đang theo dõi tôi hay không, nhưng tôi lại nhìn lui lúc bước vào Khách Sạn Marlyn và trông thấy y quẹo qua Đường N.

Tôi lấy chìa khóa phòng của tôi ở chiếc bàn con tại quầy tiếp tân và đi bộ lên phòng theo lối cầu thang. Tôi đặt bàn tay lên quả nắm và sắp sửa xoay quả nắm thì chợt nhận thấy cửa đóng không sát. Tôi dừng sững lại, cố nhớ xem có phải tôi đã bỏ cửa như vậy. Nhưng tôi biết chắc không phải thế. Tôi gần như bao giờ cũng xoay thử quả nắm sau mỗi lần đóng cửa. Tôi không nghe một tiếng động nào ngoại trừ tiếng xe cộ lưu thông từ xa. Căn phòng tối qua cánh cửa hé mở.

Nhớ lại mảnh khóc của Dillingham, tôi tránh qua một bên, úp mặt vào bức tường sát khung cửa và đá cho cánh cửa mở ra bằng chân trái. Cánh cửa xoay nhanh và đập mạnh vào mặt tường bên trong.

— Ông Dunbar, ông cứ vào đi.

Tiếng nói phát ra từ bóng tối trong phòng. Tôi vừa thò đầu qua khung cửa thì ngọn đèn bên cạnh chiếc ghế bành được bật sáng cho thấy một người đàn ông đang ngồi trong đó.

Đó là một gã có vẻ dữ tợn, nước da ngăm đen, đội một chiếc mũ dạ màu đen và mặc một chiếc áo mưa. Y cầm một khẩu súng lục lớn để hờ hững trên vế.

Y lại bảo :

— Ông cứ vào. Ông hãy đóng cửa lại và ngồi xuống. Tôi có chút chuyện cần nói với ông.

Giọng y hơi run lên khi nói những tiếng chữ « r », tựa hồ y là người nước Pháp. Tôi liền ngồi lên giường.

— Ông là ai ? Ông làm gì ở đây ?

— Điều đó không quan trọng. Tôi mang một thông điệp đến cho ông.

Vừa nói y vừa mỉm cười để lộ những chiếc răng vàng lớn.

Tôi lại hỏi :

— Thông điệp của ai ?

— Ông Dunbar, ông nói tiếng Anh hay quá, nhưng ông đừng bao giờ thắc mắc do ai gửi. Thông điệp đó là : ông hãy bỏ rơi tất cả. Ông cố quên người em của ông đi. Ông ấy đã chết. Ông ấy đã bị cháy rụi. Ông ấy đã tự tử bằng súng trước khi cháy tiêu. Chuyện vô cùng đáng tiếc. Ông ấy là một người rất tốt.

— Thông điệp gì mà quái đản như thế. Bỏ rơi cái gì ? Cảnh sát đang gấp rút tiến hành cuộc điều tra. Họ không tin em tôi đã chết.

— Ông Dunbar, họ nói với ông như vậy, để cho ông khỏi đòi lấy tử thi. Họ không muốn mai táng Ông Edward Dunbar vì sợ gây trở ngại cho những kế hoạch của họ. Họ biết chắc ông ấy đã chết. Ông hiện đang thọc tay vào một việc không liên hệ gì với ông. Tôi được chỉ thị đến nói với ông rằng đây là thông điệp cuối cùng bằng lời lẽ. Lần tới sẽ không được êm đẹp như hôm nay. Chúng tôi không muốn gây thương tổn cho ông. Vì vậy ông nên bỏ rơi tất cả

CỬA ĐỊA NGỤC

Tôi cố làm mặt tỉnh :

— Cám ơn ông.

Y đứng dậy và bước ra cửa, cất khẩu súng vào trong túi áo mưa.

— Ông hãy ngồi yên trong mười phút sau khi tôi đi. Đừng nên dùng điện thoại.

Nói đoạn y đóng cửa lại.

Tôi không phải là một người thích bảo sao làm vậy. Tôi vẫn giữ bản chất sắt đá của miền Ái-nhĩ-lan. Nhưng tôi cũng là một kẻ đã từng trông thấy khả năng tàn phá của một khẩu súng lục 45 lúc bắn thật gần vào bụng và tôi đã tập thói quen cố nhớ lại cảnh tượng này mỗi khi tôi đứng trước một khẩu loại đó. Tôi chờ đủ mười phút bắt buộc và thêm một chút nữa rồi mới nhắc máy điện thoại lên và quay số văn phòng của Dillingham. Tôi ngạc nhiên khi biết ông ta hãy còn ở đó. Ông ta đích thân trả lời điện thoại.

Tôi nói ngay :

— Dillingham, tôi không tranh luận với một khẩu 45, nhưng tôi sẵn sàng đến tranh luận với ông một cách ác liệt bao nhiêu cũng được.

— Dunbar, ông đang nói chuyện gì đó ?

Tôi liền kể chuyện tên Răng-Vàng cho ông ta nghe..

— Dillingham, ông đừng pháí những gã đầu trâu mặt ngựa đến gặp tôi nữa, nếu không dù ông có tấm thẻ đặc biệt đó tôi cũng không chịu nhin đâu.

Ông ta bảo :

— Dunbar, ông không nên nổi khùng một cách vô lý như thế. Tại sao tôi phải pháí một nhân viên đến đề thuyết phục với ông rằng em ông đã chết. Chính tôi không tin chuyện đó — và cả ông cũng vậy nếu ông vẫn còn chút lý

trì. Tôi biết rõ Răng-Vàng. Tên của y là Mendoza. Y làm việc cho một tổ chức gọi là Ouf-Dire. Ngay mai tôi sẽ kể chuyện này cho ông nghe. Chiều mai ông sẽ làm gì ?

— Không có gì hết. Tại sao ?

— Tôi sẽ đến đón ông trước cửa khách sạn của ông đúng ba giờ chiều. Tôi sẽ đưa ông đi nói chuyện với một nhân viên của Hãng Hàng Không Đông Phương người có thẻ quả quyết em ông đã đáp máy bay đi Nữ Ước.

— Vàng. Tôi sẽ chờ ông ở đó.

— Chúc ông ngủ ngon. Ông nên khóa kỹ cửa trước khi lên giường.

Trước khi đi ngủ tôi quay một số điện thoại khác — District 7-3000 — Khách sạn Mayflower. Lúc này, tôi đã quen với cảm giác xao xuyến chạy khắp người tôi khi tiếng nói của Monique de Ménard vang lên trong ống nghe.

— Cô De Ménard ?

— A-lô, Ông Dunbar.

— Cô nhớ giọng nói tài quá.

— Ông có một giọng khá đặc biệt.

— Tôi băn khoăn không biết cô đã gặp được anh cô hay chưa, hoặc tôi có thể giúp cô một việc gì.

Tôi thắc mắc chẳng hiểu câu chuyện của tôi có vẻ đáng tin hay không. Tôi không phải là một kẻ nói dối tài giỏi nhất thế giới. Tôi chưa bao giờ trông thấy được một người đàn bà trẻ đẹp nào có thể bình tĩnh hơn nàng lúc bước ra khỏi buồng tắm mà lại cần tới sự giúp đỡ của tôi.

— Ông Dunbar, tôi cảm ơn ông nhiều lắm. Ông thật rất tử tế. Nhưng ông khỏi phải nhọc lòng, bởi vì lúc này

Jacques đã ở đây, đang ngủ. Anh tôi vừa bị một tai nạn nhỏ.

— Tôi hy vọng không có gì trầm trọng.

— Vị bác sĩ trong khách sạn không tin như vậy. Đó là một vụ xe taxi đụng nhau, anh tôi bị nhiều vết trầy khắp đầu, nhưng hình như anh ấy vẫn khoẻ mạnh. Sáng mai anh ấy sẽ đi rọi quang tuyến X trước khi chúng tôi bay sang Nữ Ớc.

— Xin cô cứ gọi tôi nếu cô có điều gì cần đến tôi. Tôi hiện ngụ tại Khách Sạn Marlyn, phòng hai-không-ba.

— Cám ơn ông Dunbar. Tôi sẽ nhớ.

Giọng nàng có vẻ vui thích.